TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Bà Phan Thị Thu Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang: *Không tham gia phiên toà.*

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trương Văn K**, sinh năm: 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn anh Trương Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N tự nguyện và quen biết chung sống với nhau vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/02/2018, trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ, không có sự tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung không thấy hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 hiện nay cháu N đang chung sống với mẹ.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà anh Trương Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- *Về con chung:* Anh nhường quyền nuôi cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị N: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị N tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng chị N đều không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn chị Nguyễn Thị N đang cư trú tại Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị N mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, phía anh K đồng ý xét xử vắng mặt chị N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị N là hôn nhân hợp pháp, vì anh, chị chung sống với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/02/2018 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh K là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ, không có sự tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung không thấy hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cố gắng động viên anh K về đoàn tụ chung sống với chị N để vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng con chung, nhưng phía anh K xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên anh cương quyết ly hôn với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân vợ chồng anh K, chị N không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình " Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;…. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,….", điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng không khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ cho chị N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập chị N tham gia phiên tòa nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ rằng chị N không có thiện chí muốn hòa giải để trở về tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh K

[4]Về con chung: Hội đồng sơ thẩm xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng anh Khá, chị N có 01 con chung tên Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 và hiện nay cháu N đang sống chung với mẹ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập chị N tham gia giải quyết vụ kiện nhưng chị N đều vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án không thể tiến hành thủ tục ghi nhận nguyện vọng của các cháu N theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu N để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu sau khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, Từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay cháu N vẫn được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nếu đột ngột thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý và môi trường sống xung quanh của cháu N. Hơn nữa phía anh K thống nhất giao cháu N cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo điều kiện ổn định cho cháu N được phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh` thần, Hồi đồng xét xử thống nhất giao cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị anh Trương Văn K.

Về quan hệ hôn nhân: Anh K được ly hôn với chị N.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn K được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Trương Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trương Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trương Thị Thanh N, sinh ngày 19/9/2010 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn K được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Trương Văn K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh K đã

nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003607 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trương Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
-THA dân sự huyện H;
- UBND TT. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt